

Số: /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp
Sông Đốc, xã Sông Đốc, tỉnh Cà Mau, tỷ lệ 1/2000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đề cương và dự toán lập đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Sông Đốc, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, tỷ lệ 1/2.000;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 5618/BCTĐ-SXD ngày 29/9/2025 (kèm theo Tờ trình số 54/TTr-BQL ngày 19/9/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế) và báo cáo tổng hợp ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 02418/VP-NNXD ngày 11/11/2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Sông Đốc, xã Sông Đốc, tỉnh Cà Mau, tỷ lệ 1/2000, với những nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa chủ trương đầu tư phát triển các khu công nghiệp tập trung của tỉnh, trong đó có Khu công nghiệp Sông Đốc, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Xác định quy mô và cơ cấu ngành nghề phù hợp xây dựng trong khu công nghiệp.

- Bố trí quy hoạch sử dụng đất, phân khu chức năng phù hợp, đảm bảo gắn kết thuận tiện giữa khu vực công nghiệp, các trục giao thông và cụm dịch vụ thương mại.

- Làm căn cứ pháp lý lập quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng, xây dựng và kinh doanh các hạng mục công trình phù hợp với quy hoạch và là cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng theo quy hoạch.

2. Vị trí, ranh giới và diện tích khu quy hoạch

- Vị trí lập quy hoạch: Xã Sông Đốc, tỉnh Cà Mau.

- Phạm vi ranh giới được xác định như sau:

+ Phía Bắc giáp: Sông Ông Đốc.

+ Phía Nam giáp: Tuyến đường tỉnh ĐT.985D (đường bờ Nam Sông Đốc).

+ Phía Đông giáp: Đất nông nghiệp.

+ Phía Tây giáp: Kênh Dân Xây.

- Diện tích lập quy hoạch: 45,45ha.

3. Tính chất

- Là khu công nghiệp tập trung, định hướng các ngành nghề chính như: Chế biến thủy hải sản; chế biến nông lâm sản; sửa chữa tàu thuyền; chế biến thức ăn nuôi trồng thủy hải sản; sản phẩm đồ gia dụng và đồ mỹ nghệ từ vỏ thủy sản.

- Ưu tiên ngành nghề công nghệ cao, chuyên sâu như công nghiệp năng lượng - năng lượng mới (Hydro, Amoniac xanh...), điện tử - công nghệ số, chế tạo - tự động hóa, vật liệu mới và nano và công nghiệp sinh học.

- Phát triển công nghiệp theo mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

- Kết nối đồng bộ với Khu công nghiệp Sông Đốc phía Nam và hệ thống hạ tầng giao thông, bến thủy nội địa trên sông Ông Đốc.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản

a) Dự báo số lượng công nhân

Quy mô lao động dự kiến là 2.500 người để tính toán cho các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho Khu công nghiệp Sông Đốc.

b) Chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất

Chỉ tiêu sử dụng đất theo QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, các chỉ tiêu như sau:

Bảng chỉ tiêu sử dụng đất

TT	Loại đất	Chỉ tiêu(%)
1	Đất xây dựng nhà máy	≤ 78
2	Đất công trình HTKT đầu mối	≥ 1
3	Đất công trình hành chính, dịch vụ	≥ 1
4	Đất cây xanh	≥ 10
5	Đất giao thông	≥ 10
	Tổng cộng	100

c) Các chỉ tiêu về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật

Chỉ tiêu về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo QCVN 07:2023/BXD của Bộ Xây dựng về quy chuẩn kỹ thuật các công trình hạ tầng kỹ thuật như sau:

Bảng chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Định mức tối thiểu
1	Cấp nước		
	Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt	lít/người/ngày.đêm	100
	Công trình công cộng, dịch vụ	lít/m ² sàn/ngày.đêm	10
	Khu sản xuất công nghiệp	m ³ /ha/ngày.đêm	20
	Nước tưới cây, rửa đường	lít/m ² sàn/ngày.đêm	3,4
	Nước dự phòng, rò rỉ	% tổng công suất	15
2	Thoát nước thải	% cấp nước	80
3	Thu gom rác thải	tấn/ha	0,30
4	Cấp điện		
	Cấp điện sản xuất	kW/ha	200
	Cấp điện công trình công cộng	W/m ² sàn	30
	Chiếu sáng đường	W/m ²	1
	Chiếu sáng công viên, vườn hoa	W/m ²	0,50

5. Quy định về chức năng sử dụng đất đối với từng lô đất

Các khu chức năng chính trong khu công nghiệp gồm: Khu nhà máy công nghiệp, kho bãi; khu hành chính - dịch vụ; khu cây xanh sử dụng công cộng và cây xanh cách ly; khu công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối; giao thông nội bộ. Các khu chức năng được bố trí phù hợp quy hoạch, thuận lợi kết nối và sử dụng hạ tầng kỹ thuật chung.

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

TT	Hạng mục sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng nhà máy	A1-A8	27,93	61,45
2	Đất công trình HTKT đầu mối	B1; B2	0,50	1,10
	Bến bãi		0,50	
3	Đất công trình hành chính, dịch vụ		1,91	4,20
	Hành chính - dịch vụ	DV1	0,46	
	Hành chính - dịch vụ (lưu trú, tạm trú công nhân, chuyên gia)	DV2	1,45	

4	Đất cây xanh		5,49	12,08
	Cây xanh công cộng	CX1	1,37	
	Cây xanh dải phân cách	CX2	0,79	
	Cây xanh cách ly	CXCL	3,33	
5	Đất an ninh	AN	2,59	5,70
6	Đất giao thông		7,03	15,47
	Tổng cộng		45,45	100,00

6. Quy mô diện tích, chỉ tiêu sử dụng đất

Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

Bảng thống kê chỉ tiêu sử dụng đất của từng lô đất quy hoạch

TT	Hạng mục sử dụng đất	Ký hiệu lô	Diện tích (ha)	Mđxd (%)	Chiều cao (m *)	Hệ số sdd (lần **)
1	Đất xây dựng nhà máy		27,93	Tối đa	Tối đa	Tối đa
	Đất nhà máy	A1	4,20	70	Áp dụng theo QCVN 01:2021/BXD cho từng loại hình nhà máy công nghiệp theo đúng quy định hiện hành	
	Đất nhà máy	A2	3,16	70		
	Đất nhà máy	A3	3,52	70		
	Đất nhà máy	A4	3,54	70		
	Đất nhà máy	A5	3,86	70		
	Đất nhà máy	A6	3,53	70		
	Đất nhà máy	A7	3,12	70		
	Đất nhà máy	A8	3,00	70		
2	Đất công trình HTKT đầu mối		0,50			
	Bến bãi	B1	0,24	5	5	0,05
	Bến bãi	B2	0,26	5	5	0,05
3	Đất hành chính, dịch vụ		1,91			
	Đất HC-DV	DV-1	0,46	40	25	2,00
	Đất HC-DV (Lưu trú công nhân, chuyên gia)	DV-2	1,45	60	25	3,00

4	Đất cây xanh		5,49			
	Cây xanh công cộng	CX1	1,37			
	Cây xanh dải phân cách	CX2	0,79			
	Cây xanh cách ly	CXCL	3,33			
5	Đất giao thông		7,03			
6	Đất an ninh	AN	2,59	40	25	2,00
7	Toàn khu		45,45			

(*) Chiều cao của công trình nhà máy phụ thuộc vào tính chất của từng loại hình nhà máy.

(**) Hệ số sử dụng đất được tính chi tiết theo diện tích sàn của công trình nhà máy theo thực tế xây dựng (Nhà máy có trên 5 sàn sử dụng để sản xuất mật độ xây dựng là 60%, đối với lô đất có các công trình có chiều cao >46m phải đảm bảo hệ số sử dụng đất không vượt quá 13 lần).

a) Đất xây dựng nhà máy

- Tổng diện tích đất sản xuất công nghiệp, kho bãi (đất xây dựng nhà máy, kho bãi) là 27,93ha, chiếm 61,45% tổng diện tích khu công nghiệp.

- Đất nhà máy gồm 08 lô đất: Lô A1 (diện tích 4,20ha), lô A2 (diện tích 3,16ha), lô A3 (diện tích 3,52ha), lô A4 (diện tích 3,54ha), lô A5 (diện tích 3,86ha), lô A6 (diện tích 3,53ha), lô A7 (diện tích 3,12ha), lô A8 (diện tích 3,00ha); mật độ xây dựng thuần tối đa không vượt quá 70%, trong trường hợp nhà máy xây dựng lớn hơn 5 sàn sử dụng thì mật độ xây dựng thuần trong một tổ hợp nhà máy không vượt quá 60%; chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 6,0m so với chỉ giới đường đỏ (mặt tiếp giáp đường giao thông).

- Dành tối thiểu 5,0ha đất công nghiệp hoặc tối thiểu 3% tổng diện tích đất công nghiệp của khu công nghiệp (bao gồm cả nhà xưởng, văn phòng, kho bãi) để cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo (khoản 4 Điều 9 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế).

b) Đất công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối

- Đất công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối có tổng diện tích là 0,5ha, chiếm 1,1% tổng diện tích khu công nghiệp gồm:

+ Bến xếp dỡ hàng hóa: Đây là khu công trình hạ tầng chung cho cả khu công nghiệp, mục đích để trung chuyển hàng hóa từ các tàu thủy lên vận chuyển vào nhà máy và ngược lại. Khu vực chỉ xây dựng các hạng mục phụ trợ để quản lý, kiểm tra, vận hành bến bãi như: Chốt kiểm soát, nhà vệ sinh công cộng.

+ Bến xếp dỡ hàng hóa bao gồm phân cầu cảng và bến bãi.

+ Đất bến bãi ký hiệu B1 và B2, tổng diện tích 0,5ha, mật độ xây dựng tối đa 5%, chiều cao xây dựng tối đa 5m, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 6,0m so với chỉ giới đường đỏ (mặt tiếp giáp đường D1).

+ Phần cầu cảng: Căn cứ tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12250:2018 Cảng thủy nội địa - công trình bến bãi - yêu cầu thiết kế: Cấp công trình thiết kế chọn công trình cấp III (có tải trọng tàu từ 750 tấn - 1.500 tấn); chiều dài cầu cảng: Căn cứ vào chiều dài tính toán của tàu để xác định chiều dài cầu cảng; chọn chiều dài bến từ 30m - 50m; mớn nước của tàu tính toán (1,5m - 3,0m), dựa vào độ sâu hiện trạng của lòng sông Ông Đốc, đề xuất bến cách bờ tối thiểu 30m.

- Quy mô diện tích các công trình được xác định cụ thể trong quá trình thực hiện dự án đầu tư.

c) Đất công trình hành chính, dịch vụ

- Đất công trình hành chính, dịch vụ có tổng diện tích là 1,91ha, chiếm 4,20% tổng diện tích khu công nghiệp gồm:

+ Khu hành chính (DV1) diện tích 0,46ha, mật độ xây dựng tối đa 40%, chiều cao xây dựng tối đa 25m, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 6,0m so với chỉ giới đường đỏ (mặt tiếp giáp đường N1). Bao gồm các công trình: Nhà điều hành, khu dịch vụ cho nhân viên ban quản lý, công nhân, chuyên gia lưu trú trong khu công nghiệp, thiết chế văn hóa công đoàn và các công trình khác trong khu công nghiệp.

+ Khu nhà lưu trú công nhân - chuyên gia, dịch vụ (DV2) diện tích 1,45ha, mật độ xây dựng tối đa 60%, chiều cao xây dựng tối đa 25m; chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 6,0m so với chỉ giới đường đỏ (mặt tiếp giáp đường N1; đường ĐT.985D). Định hướng bố trí các công trình có công năng như sau: Nhà lưu trú công nhân kết hợp nhà ở chuyên gia (quy mô phục vụ tối đa khoảng 2.500 người).

d) Đất cây xanh

- Đất cây xanh có tổng diện tích là 5,49ha, chiếm 12,08% tổng diện tích khu công nghiệp bao gồm đất cây xanh cách ly, diện tích 3,33ha; cây xanh công cộng, diện tích 1,37ha; cây xanh bố trí trong dãy phân cách, diện tích 0,79ha.

+ Chiều rộng cây xanh cách ly 50m đối với vị trí tiếp giáp khu dân cư.

+ Vị trí nhà máy ký hiệu A5 tiếp giáp với đường ĐT.985D không bố trí cây xanh cách ly vì khoảng cách từ nhà máy đến đất ở đã đảm bảo khoảng cách ly an toàn >50m (lộ giới ĐT.985D 40m và khoảng lùi nhà máy 14m).

đ) Đất an ninh

Đất an ninh có diện tích 2,59ha, chiếm 5,70% tổng diện tích khu công nghiệp gồm: Trụ sở đội công an, trụ sở đội phóng cháy chữa cháy; mật độ xây dựng tối đa 40%, chiều cao xây dựng tối đa 5 tầng, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 6,0m so với chỉ giới đường đỏ (mặt tiếp giáp đường D1, đường N2).

e) Đất giao thông

Đất giao thông chiếm diện tích 7,03ha, chiếm 15,47% tổng diện tích đất khu công nghiệp.

7. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch cao độ san nền

Cao độ san nền tối thiểu đã được xác định từ đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau đến năm 2035: Lựa chọn cốt cao độ không chế san nền cho Khu công nghiệp Sông Đốc: $H_{xd} \geq 2,99m$.

b) Xác định mạng lưới giao thông, vị trí bến bãi

* Các tuyến giao thông đối ngoại đầu nối trực tiếp và các tuyến giao thông lân cận khu công nghiệp: Đường Bờ Nam Sông Đốc (ĐT.985D) kết nối khu công nghiệp với cảng cá Sông Đốc, khu đô thị - cảng hậu cần nghề cá và tuyến bờ kè ven biển Tây. Tuyến này giữ vai trò quan trọng trong vận tải thủy - bộ kết hợp và tiếp cận tuyến phòng hộ ven biển. Có quy mô lộ giới là 40m (lòng đường 10,5m x 2; dải phân cách 3m; vỉa hè 8m x 2).

* Giao thông đối nội:

- Đường trục chính: Đường D1, N2 có lộ giới 50m, chỉ giới đường đỏ cách tim đường mỗi bên 25m, chỉ giới xây dựng lùi 6m so với chỉ giới đường đỏ.

- Các trục phụ:

+ Đường D2: Lộ giới 24m, chỉ giới đường đỏ cách tim đường 12m về phía khu công nghiệp, chỉ giới xây dựng lùi 6m so với chỉ giới đường đỏ về phía khu công nghiệp (khu vực cây xanh cách ly không xây dựng công trình).

+ Đường N1: Lộ giới 24m, chỉ giới đường đỏ cách tim đường 12m về phía khu công nghiệp, chỉ giới xây dựng lùi 6m so với chỉ giới đường đỏ về phía khu công nghiệp; tại vị trí lô đất ký hiệu DV2 chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ 6m (khu vực cây xanh không xây dựng công trình).

- Vị trí lô nhà máy ký hiệu A5 tiếp giáp với đường ĐT.985D khoảng lùi 14m tính từ ranh khu công nghiệp (34m từ tim đường ĐT.985D quy hoạch).

Bảng thống kê hệ thống giao thông

TT	Vị trí	Chiều dài (m)	Mặt cắt	Lộ giới (m)	Mặt đường (m)	Vỉa hè (m)	Dải phân cách (m)	Khoảng lùi (m)
I	Giao thông đối ngoại (ngoài ranh)							
1	Đường bờ Nam Sông Đốc (ĐT.985D)	802	5 - 5	40	10,5 + 10,5	8,0 + 8,0	3	—
II	Giao thông đối nội							
1	Đường D1	532,2	1 - 1	50	14,0 + 14,0	6,0 + 6,0	10	6
2	Đường D2	276,5	3 - 3	24	14,0	5,0 + 5,0	0	6

3	Đường N1	466,3	4 - 4	24	14,0	5,0 + 5,0	0	6
4	Đường N2	768,4	2 - 2	50	14,0 + 14,0	6,0 + 6,0	10	6
	Tổng cộng:	2.043, 4						

* Bến xếp dỡ hàng hóa: Bố trí bến xếp dỡ hàng hóa tại vị trí cuối trục đường D1, tiếp giáp với Sông Ông Đốc, bao gồm 2 phần: Cầu cảng và bến bãi. Đất bến bãi có ký hiệu là B1, B2 có tổng diện tích 5.000m².

c) Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước

- Dự báo nhu cầu dùng nước của khu công nghiệp khoảng 3.900m³/ng.đêm.

- Nguồn nước sử dụng nguồn nước ngầm, giai đoạn sau kết hợp sử dụng nguồn nước mặt và nước mưa đã qua xử lý. Từng bước tiến tới sử dụng nguồn nước mặt là nguồn nước chính.

- Xác định vị trí, quy mô công trình trạm bơm:

+ Hiện tại trung tâm xã Sông Đốc có 02 trạm cấp nước với công suất 3.800m³/ng.đêm và 1.900m³/ng.đêm đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước của dân cư trong khu vực thị trấn Sông Đốc.

+ Giai đoạn khi khu công nghiệp Sông Đốc hình thành, các trạm này không đáp ứng được nhu cầu dùng nước khu công nghiệp.

+ Hiện tại Khu công nghiệp Sông Đốc (100ha) đã quy hoạch trạm bơm cấp nước công suất 4.100m³/ng.đêm trên lô đất diện tích 0,64ha. Để sử dụng hiệu quả sử dụng đất, tối ưu việc đầu tư. Đề xuất nâng công suất trạm bơm của Khu công nghiệp Sông Đốc (100ha) lên thành 8.000m³/ng.đêm (chia làm 2 giai đoạn) để cung cấp cho cả 02 Khu công nghiệp Sông Đốc (100ha và 45,45ha).

- Xác định mạng lưới đường ống cấp nước và thông số kỹ thuật cụ thể:

+ Mạng lưới thiết kế theo kiểu mạng vòng kết hợp mạng cụt để đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục. Đường kính ống cấp nước phân phối có đường kính khoảng từ D100 - D300mm.

+ Mạng lưới cấp nước cứu hỏa kết hợp với cấp nước sinh hoạt, đảm bảo cấp nước cho giờ dùng nước lớn nhất và giờ dùng nước lớn nhất có cháy.

+ Các họng cứu hỏa được bố trí trên các tuyến ống có đường kính từ 100mm trở lên.

+ Khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa không lớn hơn 150m.

d) Xác định nhu cầu và nguồn cấp điện

- Tổng nhu cầu dùng điện của khu công nghiệp khoảng 10,0MVA.

- Nguồn điện cung cấp cho Khu công nghiệp Sông Đốc (45,45ha) được cấp từ tuyến 473SD: Cung cấp điện cho khu vực trung tâm xã Sông Đốc (bờ Nam) từ hệ thống lưới điện Quốc gia, qua tuyến 22kV từ trạm 110/22kV Sông Đốc.

- Hệ thống chiếu sáng được thiết kế theo Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị - TCXDVN 259:2001, QCVN 07-7:2023/BXD của Bộ Xây dựng về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật phần công trình chiếu sáng.

đ) Xác định nhu cầu và công trình hạ tầng viễn thông thụ động

- Dự báo nhu cầu thuê bao là 995 thuê bao.

- Hệ thống thông tin liên lạc cho khu quy hoạch đi ngầm dưới vỉa hè và được ghép nối vào mạng viễn thông từ bưu cục xã Sông Đốc đến dọc đường ĐT.985D.

e) Xác định tổng lượng nước thải và rác thải

- Tổng lưu lượng nước thải của khu công nghiệp Sông Đốc khoảng $1.760\text{m}^3/\text{ng.đêm}$ (tổng lượng nước cấp cho nhà máy và công trình công cộng: $2.202\text{m}^3/\text{ng.đêm}$).

- Dự báo khối lượng rác thải toàn khu là 18,0 tấn/ng.đêm.

- Hệ thống thoát nước thải bao gồm: Mạng lưới đường cống thu gom nước thải và các công trình xử lý nước thải.

- Không xây dựng nhà máy xử lý nước thải riêng cho Khu công nghiệp Sông Đốc 45,45ha, nước thải đầu nối về Khu công nghiệp Sông Đốc 100ha (định hướng nâng công suất xử lý của Khu công nghiệp Sông Đốc 100ha).

g) Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

- Toàn bộ khu vực lập quy hoạch chia làm 02 lưu vực thoát nước chính:

+ Lưu vực 1: Từ ranh phía Bắc khu công nghiệp đến đường N2.

+ Lưu vực 2: Từ đường N2 đến ranh phía Nam khu công nghiệp.

- Xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn với thoát nước thải.

- Quy hoạch hệ thống trục tiêu nước bao quanh khu công nghiệp đảm bảo không gây ngập úng cục bộ, thoát nhanh, triệt để.

- Hệ thống thoát nước là hệ thống kín bằng cống tròn có đường kính từ D600 - D1000mm.

- Hệ thống cống sử dụng cống tròn bê tông cốt thép hoặc cống hộp bê tông cốt thép đảm bảo tải trọng của các phương tiện chuyên chở hàng hóa di chuyển qua lại.

- Bố trí hệ thống ga thu, ga thăm, ga thu thăm kết hợp đảm bảo thu nước triệt để, khoảng cách giữa các ga thu từ 25 - 35m, sử dụng vật liệu bê tông cốt thép.

- Các đoạn kênh hoàn trả cần được kè để tránh sạt lở và tạo cảnh quan.

- Bố trí các cống hộp liên thông trên các sông kênh nhằm đảm bảo thoát nước nhanh, thuận lợi.

- Nguồn tiếp nhận thoát nước: Kênh Dàn Xây.

h) Giải pháp phòng cháy chữa cháy cho khu công nghiệp

* Thành lập Đội phòng cháy chữa cháy chuyên ngành cho khu công nghiệp:

- Bố trí Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành trong phần diện tích đất an ninh (ký hiệu AN) để dùng chung cho 02 khu công nghiệp (Khu công nghiệp Sông Đốc 100ha và Khu công nghiệp Sông Đốc 45,45ha).

- Trang bị xe chữa cháy cho đội phòng cháy chữa cháy chuyên ngành và trang bị các phương tiện chữa cháy ban đầu cho lực lượng phòng cháy chữa cháy chuyên ngành với số lượng, chủng loại cụ thể theo quy định.

- * Hệ thống cấp nước phục vụ cho phòng cháy chữa cháy:

- Nguồn cấp nước: Nguồn nước phục vụ chữa cháy dự kiến được lấy từ nhà máy cấp nước của Khu công nghiệp Sông Đốc 100ha, trong trường hợp cháy lớn có thể lấy nước bổ sung từ nguồn nước mặt tại kênh Dân Xây.

- Mạng lưới đường ống cấp nước cho phòng cháy chữa cháy:

- + Mạng lưới đường ống cấp nước là mạng lưới kết hợp gồm cấp nước sinh hoạt, sản xuất kết hợp với cấp nước chữa cháy.

- + Mạng lưới thiết kế theo kiểu mạng vòng kết hợp mạng cụt để đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục. Đường kính ống cấp nước phân phối có đường kính khoảng từ D100 - D200mm, là mạng lưới cấp nước áp lực thấp với Áp suất tự do trong mạng đường ống kết hợp khi có cháy xảy ra không nhỏ hơn 10m cột nước.

- Bố trí trụ nước chữa cháy: Trụ nước chữa cháy là trụ nổi. Trụ cần bố trí dọc đường xe chạy và cách nhau không vượt quá 150m. Đối với trụ nổi lắp đặt trên vỉa hè, cạnh đường giao thông phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu giữa trụ nước cách mép vỉa hè không quá 2,5m, họng lớn của trụ phải quay ra phía lòng đường, khoảng cách từ mặt đất đến đỉnh trụ nước là 700mm.

8. Các đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường

- Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục tác động (trong giai đoạn chuẩn bị thi công, thi công xây dựng, vận hành).

- Các vấn đề môi trường chính và phạm vi tác động đến môi trường cần lưu ý trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường (giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn xây dựng, giai đoạn vận hành).

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về môi trường.

9. Những hạng mục ưu tiên đầu tư

Đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, công trình xử lý môi trường đồng bộ.

10. Nguồn lực thực hiện

Vốn ngân sách dành cho khu công nghiệp, vốn từ doanh nghiệp, nhà đầu tư theo hình thức xã hội hóa đầu tư khu công nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

11. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch

Được ban hành kèm theo Quyết định này là các quy định cụ thể về nguyên tắc phát triển; việc quản lý kiểm soát không gian, kiến trúc, cảnh quan trong phạm vi đồ án Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Sông Đốc, xã Sông Đốc, tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cà Mau chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân xã Sông Đốc và các đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung sau:

1. Tổ chức công bố các nội dung chính của đồ án quy hoạch phân khu đến các tổ chức, cá nhân có liên quan trong khu vực quy hoạch biết để thực hiện.
2. Tổ chức cắm mốc giới quy hoạch theo quy định hiện hành.
3. Quản lý việc đầu tư xây dựng theo Quy định quản lý kèm theo đồ án Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Sông Đốc, xã Sông Đốc, tỉnh Cà Mau, tỷ lệ 1/2000 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế, Chủ tịch UBND xã Sông Đốc và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; Quyết định số 2079/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Sông Đốc phía Bắc, quy mô 45,45ha, tỷ lệ 1/500 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh (iO);
- Sở Xây dựng (02b);
- Ban QL Khu kinh tế (05b);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Khối NC-TH;
- Phòng NN-XD (Bn 3/11/35)
- Lưu: VT, KP285/11.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Văn Bi